

# THÔNG BÁO XÉT TUYỂN THĂNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2021

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo xét tuyển thăng đào tạo thạc sĩ đợt 1 năm 2021 như sau:

**1. Điều kiện xét tuyển thăng:** các thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo thạc sĩ tại ĐHQGHN được xét tuyển thăng nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

1.1. Về bằng tốt nghiệp trình độ đại học: đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) thuộc các chương trình đào tạo (CTĐT) sau đây của ĐHQGHN: tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư), các CTĐT đã được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín (AUN-QA, ABET,...) hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận (đối với khóa tuyển sinh còn trong thời hạn) (Danh sách các CTĐT xem tại Phụ lục 1);

- Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các CTĐT chuẩn của ĐHQGHN;

1.2. Về năng lực ngoại ngữ: thí sinh nộp minh chứng về trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu của CTĐT tại thời điểm nộp hồ sơ. Đối với CTĐT yêu cầu năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thí sinh chưa có minh chứng về trình độ ngoại ngữ có thể đăng ký dự thi môn Ngoại ngữ trong cùng đợt tổ chức thi tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN (việc đăng ký và tổ chức thi môn Ngoại ngữ thực hiện theo quy định hiện hành).

**2. Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học:**

2.1. Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

- Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0,2 điểm, giải nhì 0,15 điểm, giải ba 0,1 điểm, giải khuyến khích 0,07 điểm.

- Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0,1 điểm, giải nhì 0,07 điểm, giải ba 0,05 điểm.

2.2. Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0,3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0,2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0,15 điểm;

Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thăng.

**3. Hồ sơ xét tuyển thẳng:** Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển thẳng phải nộp 1 bộ hồ sơ gồm có:

- Đơn xin xét tuyển thẳng (theo mẫu)
- Bản khai thành tích học tập và nghiên cứu khoa học (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu)
- Bản sao công chứng bằng và bảng điểm đại học
- Bản sao công chứng bằng/chứng chỉ Ngoại ngữ
- Bản sao công chứng giấy khen hoặc giấy chứng nhận giải thưởng nghiên cứu khoa học các cấp
- Bản photocopy bài báo hoặc báo cáo khoa học (gồm trang bìa tạp chí hoặc tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học, các trang có nội dung bài báo và trang mục lục).
- Giấy khám sức khỏe của bệnh viện đa khoa (mới cấp trong vòng 6 tháng).

Hồ sơ xét tuyển thẳng được phát hành trong giờ hành chính các ngày từ 18/01/2021 đến ngày 26/3/2021 tại Phòng Đào tạo (Phòng 406 nhà T1), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

#### **4. Đăng kí xét tuyển thẳng được thực hiện theo hai bước:**

Bước 1: Đăng kí trên phần mềm tuyển sinh sau đại học:

- Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng kí dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng kí tài khoản trong những kì tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kì đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng kí dự thi. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo. Thí sinh không hoàn thành việc đăng kí trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự thi.

- Thời gian đăng kí: Từ 8h00 ngày 17/01/2021 đến 17h00 ngày 02/4/2021.

Bước 2: Nộp hồ sơ:

- Thí sinh chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ và sắp xếp theo thứ tự (mang theo các giấy tờ gốc để đối chiếu).

- Thời gian nộp hồ sơ: Trong giờ hành chính từ ngày 19/3/2021 đến ngày 02/4/2021.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Đào tạo (Phòng 404, 406 nhà T1), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

#### **5. Lệ phí xét tuyển thẳng**

- Thí sinh phải thi ngoại ngữ: 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.).

- Thí sinh được miễn ngoại ngữ: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn./.).

Thí sinh có thể chọn một trong hai cách sau:

Cách 1: Chuyển khoản từ Ngân hàng bất kỳ hoặc qua hệ thống Internet Banking phải thực hiện nội dung chuyển khoản như sau:

- Cấu trúc nội lệ phí tuyển sinh:

**CK LPTSSDH<năm tuyển sinh> [Mã đăng ký dự thi của thí sinh]**

- Số tài khoản: 22210000586899 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Thanh Xuân.

Cách 2: Nộp tiền mặt khi nộp hồ sơ.

**6. Thời gian tổ chức xét tuyển thẳng:** Trường Đại học Khoa học Tự nhiên xét tuyển thẳng ngay sau khi hết hạn thời gian xét duyệt hồ sơ và thông báo kết quả cho thí sinh trước ngày 10/4/2021. *Những thí sinh không được tuyển thẳng có thể tham dự kỳ thi tuyển sinh đợt 1 năm 2021 vào ngày 17 và 18/4/2021, trong trường hợp này thí sinh phải nộp bổ sung 240.000 đồng lệ phí dự thi các môn Cơ bản/Đánh giá năng lực và Cơ sở.*

**7. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng:** Theo từng ngành như trong Phụ lục 2.

**8. Nguyên tắc xét tuyển thẳng:** xét đúng các đối tượng đã quy định, xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu./.

## Phụ lục 1

### Danh sách các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ), đã được kiểm định (còn thời hạn) của Trường ĐHKHTN

#### 1. Các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ) của Trường ĐHKHTN

- Chương trình đào tạo tài năng Toán học
- Chương trình đào tạo tài năng Vật lí
- Chương trình đào tạo tài năng Hóa học
- Chương trình đào tạo tài năng Sinh học
- Chương trình đào tạo tiên tiến Hóa học
- Chương trình đào tạo tiên tiến Khoa học môi trường
- Chương trình đào tạo chuẩn quốc tế Vật lí
- Chương trình đào tạo chuẩn quốc tế Sinh học
- Chương trình đào tạo chuẩn quốc tế Địa chất học
- Chương trình đào tạo chất lượng cao Địa chất học
- Chương trình đào tạo chất lượng cao Địa lí tự nhiên
- Chương trình đào tạo chất lượng cao Khí tượng học
- Chương trình đào tạo chất lượng cao Thủy văn
- Chương trình đào tạo chất lượng cao Hải dương học
- Chương trình đào tạo chất lượng cao Khoa học môi trường

#### 2. Các CTĐT đã được kiểm định của Trường ĐHKHTN được xét tuyển thẳng (XTT) đợt 1 năm 2021

STT	CTĐT	Tổ chức kiểm định	Năm kiểm định	Khóa đầu vào ĐH đủ điều kiện XTT *
1.	Hoá học	AUN-QA	2012	2014, 2015
2.	Toán học	AUN-QA	2013	2014, 2015, 2016
3.	Sinh học	AUN-QA	2013	2014, 2015, 2016
4.	Vật lý học	AUN-QA	2015	2016, 2017
5.	Khoa học môi trường	AUN-QA	2015	2016, 2017
6.	Địa chất học	AUN-QA	2015	2016, 2017

\* Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đứng hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ)

## Phụ lục 2

### Các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐHKHTN

STT	Tên chuyên ngành	Môn thi cơ bản	Môn thi cơ sở	Chỉ tiêu tuyển thẳng
1	Toán giải tích	Đại số	Giải tích	10
2	Đại số và lí thuyết số	Đại số	Giải tích	
3	Hình học và tô pô	Đại số	Giải tích	
4	Phương pháp toán sơ cấp (định hướng ứng dụng)	Đánh giá năng lực	Toán cao cấp	
5	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	Đại số	Giải tích	
6	Toán ứng dụng	Đại số	Giải tích	
7	Cơ sở toán học cho tin học	Cơ sở toán cho tin học	Giải tích <i>hoặc</i> Tin học cơ sở	
8	Khoa học dữ liệu	Đánh giá năng lực	Xác suất - Thống kê	
9	Cơ học vật rắn	Toán cho cơ học	Cơ học đại cương	
10	Cơ học chất lỏng và chất khí	Toán cho cơ học	Cơ học đại cương	
11	Vật lí lí thuyết và vật lí toán	Giải tích cho vật lí	Cơ sở cơ học lượng tử	10
12	Vật lí chất rắn	Giải tích cho vật lí	Cơ sở cơ học lượng tử	
13	Vật lí vô tuyến và điện tử	Giải tích cho vật lí	Cơ sở cơ học lượng tử	
14	Vật lí nguyên tử và hạt nhân	Giải tích cho vật lí	Cơ sở cơ học lượng tử	
15	Quang học	Giải tích cho vật lí	Cơ sở cơ học lượng tử	
16	Vật lí địa cầu	Giải tích cho vật lí	Cơ sở cơ học lượng tử	
17	Vật lí nhiệt	Giải tích cho vật lí	Cơ sở cơ học lượng tử	
18	Hoá vô cơ	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	10
19	Hoá hữu cơ	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	
20	Hoá phân tích	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	
21	Hoá lí thuyết và hóa lí	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	
22	Hoá môi trường	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	
23	Kĩ thuật hoá học	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	
24	Hoá dầu	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	
25	Công nghệ sinh học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	10
26	Động vật học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	
27	Thực vật học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	
28	Sinh học thực nghiệm	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	
29	Sinh thái học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	
30	Di truyền học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	
31	Vi sinh vật học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	
32	Thủy sinh vật học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	
33	Địa lí học	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	5
34	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lí	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	
35	Địa lí tự nhiên	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	
36	Địa mạo và cổ địa lí	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	
37	Quản lí tài nguyên và môi trường	Đánh giá năng lực	Các khoa học trái đất	
38	Quản lí đất đai	Đánh giá năng lực	Cơ sở địa chính	5
39	Địa chất học	Đánh giá năng lực	Địa chất đại cương	
40	Thạch học khoáng vật và địa hóa	Đánh giá năng lực	Địa chất đại cương	
41	Địa chất môi trường	Đánh giá năng lực	Địa chất đại cương	5
42	Khí tượng học	Đánh giá năng lực	Khí tượng đại cương	
43	Thủy văn học	Đánh giá năng lực	Thủy văn đại cương	
44	Hải dương học	Đánh giá năng lực	Hải dương học	10
45	Khoa học môi trường	Đánh giá năng lực	Cơ sở khoa học môi trường	
46	Môi trường và phát triển bền vững	Đánh giá năng lực	Cơ sở khoa học môi trường	
47	Kĩ thuật môi trường	Đánh giá năng lực	Cơ sở công nghệ môi trường	
<b>Tổng cộng:</b>				<b>65</b>

### Phụ lục 3

**Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại ĐHQGHN**

#### Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kĩ năng)	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	KET (Distinction 140) PET (Pass 140) FCE (Level B1 - 140)	Preliminary	40	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	KET (Distinction 160) PET (Pass 160) FCE (Level B2 - 160)	Vantage	60	VSTEP.3-5 (6.0)

*(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)*

#### Một số thứ tiếng khác (Bậc 3 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Ngôn ngữ	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Mức điểm yêu cầu	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD B1, ÖSD - Zertifikat B1, TestDaF-TDN3	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST Q3 J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

## Phụ lục 4

### Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ tại ĐHQGHN

#### 1. Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận				
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√			
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√				
7.	ĐH Thái Nguyên	√				
8.	Trường ĐH Cần Thơ	√				
9.	Trường ĐH Vinh	√				
10.	Học viện An ninh nhân dân	√				

(\*) Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: các cơ sở đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 được cấp từ ngày 15/5/2019, các cơ sở đào tạo còn lại được cấp từ ngày 08/5/2020.

#### Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam PET	BEC Preliminary	BULATS
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√			
2.	British Council (BC)	√					
3.	International Development Program (IDP)	√					
4.	Cambridge ESOL	√			√	√	√

## 2. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		<i>Tiếng Nga</i>	<i>Tiếng Pháp</i>	<i>Tiếng Đức</i>	<i>Tiếng Trung</i>	<i>Tiếng Nhật</i>	<i>Tiếng Hàn</i>
		TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD B1, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST Q3 J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Japan Foundation (JLPT)					√	
6.	Senmon Kyouiku Publishing Co., Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)						√